TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 11 - 2023
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thảo;

2. Ông Lê Hồng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Phụng - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1010/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 315/2023/QĐXX-ST ngày 10/11/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 2002.
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An (xin vắng mặt).
2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn Á, sinh năm 1993.
Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:

Bà N và ông Đỗ Văn Á xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T; huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 14/7/2022. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ. Nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Á.

Về con chung: Qúa trình chung sống, ông bà có 01 con chung tên Đỗ Nguyễn Anh K, sinh năm 04/12/2019. Hiện cháu K đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Á cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Văn Á có văn bản trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án:

Ông có đăng ký kết hôn với và Nguyễn Thị Huỳnh N và có 01 con chung tên Đỗ Nguyễn Đăng K1. Ông đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Đỗ Văn Á có địa chỉ cư trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên căn cứ vào Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Á tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 14/7/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Long An nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ phần trình bày của bà N về mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn, hiện không còn sống chung, không quan tâm lo lắng cho nhau, bà N vẫn giữ yêu cầu ly hôn. Ông Á đồng ý và xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Qua đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông Á là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của các bên không đạt được, nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Huỳnh N.

Về con chung: Qúa trình chung sống, ông bà có 01 con chung tên Đỗ Nguyễn Anh K, sinh năm 04/12/2019. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, cháu K từ lúc sinh ra đến nay đều sống cùng mẹ, được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phát triển khỏe mạnh, toàn diện nên căn cứ vào điều kiện của các bên; quyền lợi về mọi mặt và lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Đỗ Nguyễn Anh K cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Á không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Như k yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N trình bày không có; không yêu cầu giải quyết. Ông Á không có ý kiến trình bày; không có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Trường hợp, sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp liên quan đến tài sản chung và nợ chung được quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Huỳnh N đối với ông Đỗ Văn Á.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N được ly hôn với ông Đỗ Văn Á.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Nguyễn Anh K, sinh năm 04/12/2019.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đỗ Văn Á không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Như k yêu cầu.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005874 ngày 06/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bà N đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N và ông Đỗ Văn Á được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Uỷ ban nhân dân xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Tho